

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
BỘ CÔNG THƯƠNG

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31/2013/TT-BCT

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2013

THÔNG TƯ

**Quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ
trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê**

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê được Bộ trưởng hai nước ký kết ngày 11 tháng 11 năm 2011 tại Hô-nô-lu-lu, Ha-oai, Hoa Kỳ;

Căn cứ Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê ngày 11 tháng 11 năm 2011 tại Hô-nô-lu-lu, Ha-oai, Hoa Kỳ được hai nước ký sửa đổi ngày 20 tháng 5 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa.

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này:

1. Quy tắc xuất xứ (Phụ lục I);
2. Quy tắc cụ thể mặt hàng (Phụ lục II);
3. Thủ tục cấp và kiểm tra Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Phụ lục III);
4. Mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa VC (trong Thông tư này gọi tắt là C/O Mẫu VC) của Việt Nam (Phụ lục IV-A);
5. Mẫu C/O VC của Chi Lê (Phụ lục IV-B);
6. Hướng dẫn kê khai C/O (Phụ lục V); và
7. Danh mục các Tổ chức cấp C/O (Phụ lục VI).

Điều 2. Ngoài thủ tục cấp và kiểm tra C/O quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này, thủ tục cấp C/O Mẫu VC của Việt Nam được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi và Thông tư số 01/2013/TT-BCT ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 3 năm 2011 nêu trên.

Điều 3. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Tuấn Anh

Phụ lục I **QUY TẮC XUẤT XỨ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê)

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi của Phụ lục này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

1. **Nuôi trồng thủy hải sản** là việc nuôi trồng các sinh vật sống dưới nước bao gồm cá, động vật thân mềm, loài giáp xác, động vật không xương sống dưới nước khác và thực vật thủy sinh từ các loại con giống như trứng, cá hồi hai năm tuổi, cá hồi nhỏ và ấu trùng bằng cách can thiệp vào các quá trình nuôi trồng hoặc tăng trưởng nhằm thúc đẩy sinh sản như nuôi cấy, cho ăn, hoặc bảo vệ khỏi các động vật ăn thịt;

2. **CIF** là trị giá hàng hóa nhập khẩu đã bao gồm cả cước vận tải và phí bảo hiểm tính đến cảng hoặc cửa khẩu của nước nhập khẩu;

3. **FOB** là trị giá hàng hóa đã giao qua mạn tàu, bao gồm phí vận tải đến cảng hoặc địa điểm cuối cùng trước khi tàu chở hàng rời bến;

4. **Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi** là những nguyên tắc đã được nhất trí thừa nhận hoặc áp dụng tại một Nước thành viên về việc ghi chép các khoản doanh thu, chi phí, phụ phí, tài sản và các khoản phải trả; truy xuất thông tin; và việc lập các báo cáo tài chính. Những nguyên tắc này có thể bao gồm các hướng dẫn chung cũng như các tiêu chuẩn, thông lệ và thủ tục thực hiện cụ thể;

5. **Hàng hóa** bao gồm nguyên vật liệu hoặc sản phẩm, có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại một Nước thành viên, kể cả những sản phẩm có thể sẽ được sử dụng làm nguyên vật liệu cho một quá trình sản xuất khác sau này;

6. **Nguyên vật liệu giống nhau và có thể dùng thay thế lẫn nhau** là những nguyên vật liệu cùng loại có chất lượng như nhau, có cùng đặc tính vật lý và kỹ thuật, và một khi các nguyên vật liệu này được kết hợp lại để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh thì không thể chỉ ra sự khác biệt về xuất xứ thông qua các dấu hiệu hoặc thông qua việc quan sát;

7. **Tổ chức cấp C/O** là cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm cấp C/O:

a) Đối với Chi Lê: là Tổng cục Kinh tế Quốc tế. Cơ quan này có thể ủy quyền cho các tổ chức khác cấp C/O (Mẫu VC); và

b) Đối với Việt Nam: là Bộ Công Thương.

8. **Nguyên vật liệu** bao gồm hàng hóa hoặc các vật chất được sử dụng hoặc tiêu tốn trong quá trình sản xuất hàng hóa hoặc được kết hợp với nhau thành một

hàng hóa khác hoặc tham gia vào một công đoạn trong toàn bộ quá trình sản xuất ra hàng hóa khác;

9. **Hàng hóa có xuất xứ** là hàng hóa đáp ứng các quy định về xuất xứ của Phụ lục này;

10. **Vật liệu đóng gói và bao gói để vận chuyển** là hàng hóa được sử dụng để bảo vệ hàng hóa trong quá trình vận chuyển hàng hóa đó mà không phải là vật liệu đóng gói và bao gói chứa đựng hàng hóa dùng để bán lẻ;

11. **Sản xuất** là các phương thức để thu được hàng hóa bao gồm trồng trọt, khai thác, thu hoạch, chăn nuôi, gây giống, chiết xuất, thu lượm, thu nhặt, săn bắt, đánh bắt, đánh bẫy, săn bắn, chế tạo, sản xuất, gia công hay lắp ráp; và

12. **Quy tắc cụ thể mặt hàng** là quy tắc yêu cầu nguyên vật liệu phải trải qua quá trình thay đổi mã số hàng hóa hoặc phải đáp ứng tiêu chí hàm lượng giá trị khu vực hoặc kết hợp giữa các tiêu chí nêu trên.

Điều 2. Tiêu chí xuất xứ

Để áp dụng trong phạm vi của Phụ lục này, hàng hóa được coi là có xuất xứ của một Nước thành viên khi:

1. Có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại Nước thành viên đó như định nghĩa tại Điều 3; hoặc
2. Không có xuất xứ thuần túy hoặc không được sản xuất toàn bộ tại Nước thành viên đó, nhưng đáp ứng các quy định tại Điều 4 hoặc Điều 6; hoặc
3. Được sản xuất toàn bộ tại Nước thành viên đó từ những nguyên liệu có xuất xứ của các Nước thành viên.

và hàng hóa đó đáp ứng tất cả các quy định khác của Phụ lục này.

Điều 3. Hàng hóa có xuất xứ thuần túy

Hàng hóa quy định tại khoản 1, Điều 2 được coi là có xuất xứ thuần túy hoặc được coi là sản xuất toàn bộ tại một Nước thành viên trong các trường hợp sau:

1. Cây trồng và các sản phẩm từ cây trồng bao gồm quả, hoa, rau, cây, tảo biển, nấm và các loại cây trồng khác được trồng và thu hoạch, hái hoặc thu lượm tại Nước thành viên đó;
2. Động vật sống bao gồm động vật có vú, chim, cá, loài giáp xác, động vật thân mềm, loài bò sát, vi khuẩn và virút, được sinh ra và nuôi dưỡng tại Nước thành viên đó;
3. Các hàng hóa thu được từ động vật sống được nêu tại khoản 2 của Điều này tại Nước thành viên đó;
4. Hàng hóa thu được từ săn bắn, đánh bẫy, đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản, thu lượm hoặc săn bắt tại Nước thành viên đó;

5. Khoáng sản và các chất sản sinh tự nhiên khác chưa được liệt kê từ khoản 1 đến khoản 4 của Điều này, được chiết xuất hoặc lấy ra từ đất, vùng lãnh hải, đáy biển hoặc dưới đáy biển của Nước thành viên đó;

6. Các sản phẩm được khai thác từ vùng lãnh hải, đáy biển hoặc dưới đáy biển ngoài vùng lãnh hải của Nước thành viên đó, với điều kiện là Nước thành viên đó có quyền khai thác vùng lãnh hải, đáy biển và dưới đáy biển đó theo luật quốc tế;

7. Sản phẩm đánh bắt và các sản phẩm từ biển khác đánh bắt từ vùng biển cả bằng tàu được đăng ký tại một Nước thành viên và treo cờ của Nước thành viên đó;

8. Sản phẩm được chế biến và/hoặc được sản xuất ngay trên tàu chế biến được đăng ký tại một Nước thành viên và treo cờ của Nước thành viên đó, trừ các sản phẩm được quy định tại khoản 6 và khoản 7 của Điều này;

9. Các vật phẩm thu nhặt tại Nước thành viên đó nhưng không còn thực hiện được những chức năng ban đầu hoặc cũng không thể sửa chữa hay khôi phục được và chỉ có thể vứt bỏ hoặc dùng để thu lại các phụ tùng dùng làm các nguyên vật liệu, hoặc sử dụng vào mục đích tái chế;

10. Phế thải và phế liệu có nguồn gốc từ:

- a) Quá trình sản xuất tại Nước thành viên đó; hoặc
- b) Hàng hóa đã qua sử dụng được thu nhặt tại Nước thành viên xuất khẩu đó, với điều kiện hàng hóa đó chỉ phù hợp làm nguyên vật liệu thô; và

11. Hàng hóa thu được hoặc được sản xuất tại Nước thành viên xuất khẩu đó từ các sản phẩm được quy định từ khoản 1 đến khoản 10 của Điều này.

Điều 4. Hàng hóa có xuất xứ không thuận túy

1. Để áp dụng cho khoản 2, Điều 2, hàng hóa được coi là có xuất xứ tại một Nước thành viên nơi đã diễn ra quá trình sản xuất hoặc gia công nếu:

- a) Hàng hóa có hàm lượng giá trị khu vực (RVC) không dưới bốn mươi phần trăm (40%), tính theo công thức quy định tại Điều 5; hoặc
- b) Tất cả nguyên vật liệu không có xuất xứ sử dụng để sản xuất ra hàng hóa đó trải qua quá trình chuyển đổi mã số hàng hóa (dưới đây được gọi là “CTC”) ở cấp bốn (4) số (có nghĩa là thay đổi nhóm) của Hệ thống Hải hòa.

2. Mỗi Nước thành viên cho phép người xuất khẩu sử dụng một trong hai tiêu chí quy định tại điểm a, khoản 1 hoặc điểm b, khoản 1 của Điều này để xác định xuất xứ hàng hóa.

3. Không xét đến khoản 1 của Điều này, hàng hóa được coi là hàng hóa có xuất xứ nếu đáp ứng quy tắc cụ thể mặt hàng tương ứng cho mặt hàng đó quy định tại Phụ lục II.

4. Khi quy tắc cụ thể mặt hàng cho phép lựa chọn giữa các tiêu chí RVC, CTC, hoặc kết hợp giữa các tiêu chí nêu trên, mỗi Nước thành viên cho phép người xuất khẩu tự lựa chọn tiêu chí thích hợp.

5. Khi quy tắc cụ thể mặt hàng quy định tiêu chí CTC, tiêu chí này chỉ áp dụng đối với nguyên vật liệu không có xuất xứ.

Điều 5. Công thức tính RVC

1. RVC nêu tại Điều 4 được tính toán theo công thức như sau:

$$RVC = \frac{\text{Trị giá FOB} - \frac{\text{Trị giá của nguyên vật liệu hoặc hàng hóa không có xuất xứ}}{\text{Trị giá FOB}} \times 100\%}{\text{Trị giá FOB}}$$

2. Để tính toán RVC quy định tại khoản 1 của Điều này:

a) Trị giá nguyên vật liệu hoặc hàng hóa không có xuất xứ là:

- Giá CIF tại thời điểm nhập khẩu hoặc việc nhập khẩu có thể được chứng minh; hoặc

- Giá mua đầu tiên của các hàng hóa không xác định được xuất xứ tại lãnh thổ của Nước thành viên nơi diễn ra việc sản xuất hoặc chế biến.

b) Giá FOB là trị giá FOB của hàng hóa. Giá FOB này được xác định bằng cách cộng giá trị của các nguyên vật liệu, chi phí sản xuất, lợi nhuận và các chi phí khác.

Điều 6. Cộng gộp

Trừ khi có những quy định khác tại Phụ lục này, hàng hóa có xuất xứ của một Nước thành viên, được sử dụng làm nguyên vật liệu tại một Nước thành viên khác để sản xuất ra một hàng hóa đủ điều kiện được hưởng ưu đãi thuế quan, sẽ được coi là có xuất xứ của Nước thành viên nơi diễn ra quá trình sản xuất hoặc chế biến hàng hóa đó.

Điều 7. Những công đoạn gia công, chế biến đơn giản

Những công đoạn gia công chế biến dưới đây, khi được thực hiện riêng rẽ hoặc kết hợp với nhau, không tạo ra xuất xứ của hàng hóa:

1. Những công đoạn bảo quản để đảm bảo hàng hóa trong điều kiện tốt trong quá trình vận chuyển và lưu kho như làm khô, làm lạnh, thông gió, làm đông và những hoạt động tương tự;

2. Sàng hoặc lọc, phân loại, rửa, cắt, tách, uốn cong, cuộn, làm thẳng, mài sắc, xay đơn giản, cắt mỏng;

3. Làm sạch, bao gồm việc loại bỏ ôxit, dầu, sơn hoặc các chất phủ bề mặt khác;